

Số: /QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án Nâng cấp Hệ thống tưới trạm bơm Hệ, tỉnh Thái Bình

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xây Dựng; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/06/2017; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc tách khối lượng công trình.

Căn cứ Quyết định số 3158/QĐ-BNN-KH ngày 19/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp Hệ thống tưới trạm bơm Hệ, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 2505/QĐ-BNN-TCTL ngày 5/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp Hệ thống tưới trạm bơm Hệ, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình số 1426/UBND-CTGT ngày 03/5/2022 về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nâng cấp Hệ thống tưới trạm bơm Hệ, tỉnh Thái Bình;

Xét Tờ trình số 24/TTr-BQLDANN ngày 25/5/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình về việc thẩm định và phê duyệt BCNCKT dự án Nâng cấp Hệ thống tưới trạm bơm Hệ (kèm theo Báo cáo thẩm tra số 55/TTKH-TTr ngày 23/5/2022 của Trung tâm Khoa học và triển khai kỹ thuật thủy lợi và hồ sơ thiết kế do Liên danh Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật thủy lợi, Công ty Cổ phần khảo sát thiết kế thủy lợi Thái Bình và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi thủy điện Thăng Long lập);

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 1067/BC-TCTL-XDCB ngày 12/7/2022 của Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Nâng cấp Hệ thống tưới trạm bơm Hệ với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp Hệ thống tưới trạm bơm Hệ.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ:

Nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Hệ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành trạm bơm Hệ, đảm bảo cấp nước ổn định cho khoảng 8.804 ha đất sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an toàn hệ thống.

5. Quy mô đầu tư xây dựng:

5.1. Hệ thống kênh và công trình trên kênh :

5.1.1. Kênh chính Kc và công trình trên kênh:

a) Gia cố kênh chính Kc: chiều dài tuyến kênh là 1.850m

Gia cố mái kênh bằng tấm bê tông đúc sẵn M200, kích thước (60x60x8)cm, lát trong khung bê tông cốt thép M250, bên dưới là các lớp đá dăm lót dày 10cm, vải lọc.

Thông số kỹ thuật của kênh như bảng sau:

T T	Vị trí	Chiều dài (m)	Q_{tk} (m ³ /s)	B _{đáy} (m)	H (m)	Hệ số mái	Cao trình đáy kênh (m)	Độ dốc đáy kênh i (10 ⁻⁴)
1	K0 ÷ K1+235	1.235	21,31	7,0	3,0	1,5	-0,62 ÷ -0,74	1,0
2	K1+235 ÷ K1+850	615	21,21	7,0	3,0	1,5	-0,87 ÷ -0,93	1,0

b) Sửa chữa công trình trên kênh: Gia cố 02 cửa lấy nước khẩu độ $B = (1,1; 1,2)m$ từ trạm bơm vào kênh và sửa chữa 07 cống tiêu, gồm 02 cống khẩu độ $B = (0,8; 1,3)m$ và 5 cống đường kính $\phi = 0,4m$ dọc tuyến kênh.

c) Đường bờ kênh: Gia cố 1.195m đường bờ kênh (bờ trái từ $K_0 \div K_{1+195}$), kết hợp đường quản lý vận hành, dân sinh, đường nông thôn cấp C, kết cấu BT M250, rộng $B = 3m$, dày 15cm, cao trình mặt đường $(+2,5 \div +2,8)m$.

5.1.2. Kênh N_2 và công trình trên kênh:

a) Gia cố kênh N_2 : Chiều dài tuyến kênh là 4.950m.

+ Gia cố, chắn đất chân mái kênh bằng hàng cọc BTCT M300 (kích thước $(0,25 \times 0,25 \times 3,5)m$, mật độ 1,5m/cọc) và các tấm BTCT M250 đúc sẵn lắp ghép, kích thước $(1,5 \times 1,0 \times 0,1)m$; mặt tấm bê tông tiếp giáp với đất được lót lớp vải lọc.

+ Mái kênh từ cao trình $(+0,4)m$ đến cao trình đỉnh mái kênh thiết kế được gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn M200, KT $(60 \times 60 \times 8)cm$, lát trong khung BTCT M250, bên dưới là các lớp đá dăm lót dày 10cm, vải lọc, hệ số mái kênh $m = 1,5$.

Thông số kỹ thuật của kênh như bảng sau:

Vị trí	Chiều dài (m)	Q_{tk} (m^3/s)	$B_{đáy}$ (m)	H (m)	Hệ số mái	Cao trình đáy kênh (m)	Độ dốc đáy kênh i (10^{-5})
$K_0+175,7 \div K_5+125,7$	4.950	10,98	5,0	2,5	1,5	$-0,5 \div -0,56$	1,0

b) Sửa chữa công trình trên kênh: Sửa chữa 02 cống lấy nước $B = (1,1; 1,2)m$ và 21 cống tiêu, gồm 14 cống có khẩu độ $B = (0,5 \div 1,2)m$, 07 cống đường kính $\phi = (0,5 \div 0,8)m$ dọc tuyến kênh.

c) Cầu qua kênh: Xây dựng mới 6 cầu qua kênh (trong đó 02 vị trí chưa có cầu và 4 vị trí thay thế cầu cũ), tải trọng 0,5HL93, cầu 1 nhịp, rộng 4,5m, chiều dài nhịp $L = (11 \div 19,1)m$, kết cấu bằng BTCT M300, móng cầu được xử lý nền bằng cọc BTCT M300.

d) Đường bờ kênh: Gia cố 3.972,7m đường bờ kênh (trong đó bờ phải từ $K_{2+371,1} \div K_{4+051,5}$, dài 1.680,4m; bờ trái gồm các đoạn từ $K_0+175,7 \div K_{1+183}$, $K_{1+514,9} \div K_{1+673,8}$, $K_{2+101,4} \div K_{2+667,7}$, $K_{3+134,7} \div K_{3+694,5}$, dài 2.292,3m) kết hợp đường quản lý vận hành, dân sinh, đường nông thôn cấp C, kết cấu BT M250, rộng $B = 3,5m$, dày 18cm, cao trình mặt đường $(+2,0 \div +2,4)m$.

5.1.3. Kênh N_v và công trình trên kênh:

a) Gia cố kênh N_v : Chiều dài tuyến kênh là 4.000,5m.

Gia cố mái kênh bằng tấm bê tông đúc sẵn M200, kích thước (60x60x8)cm, lát trong khung bê tông cốt thép M250, bên dưới là các lớp đá dăm lót dày 10cm, vải lọc.

Thông số kỹ thuật của kênh như bảng sau:

T T	Vị trí	Chiều dài (m)	Q_{tk} (m^3/s)	$B_{đáy}$ (m)	H (m)	Hệ số mái	Cao trình đáy kênh (m)	Độ dốc đáy kênh i (10^{-4})
1	K0+047 ÷ K2+780	2.733	8,91	5,0	2,45	1,5	-0,49 ÷ -0,82	0,7
2	K2+780 ÷ K4+047,5	1.267,5	4,95	5,0	1,85	1,5	-0,29 ÷ -0,43	0,7

b) Công trình trên kênh:

Xây dựng mới 01 công lấy nước vào kênh nhánh, khẩu độ $B = 1,5m$, lưu lượng $Q = 1,37m^3/s$; sửa chữa 04 công lấy nước vào các kênh nhánh khẩu độ $B = (1 ÷ 1,2)m$ và 14 công tiêu, gồm 13 công khẩu độ $B = 0,6m$, 01 công đường kính $\phi = 0,6m$ dọc tuyến kênh; làm lại 01 cầu máng tại K3+174,2.

c) Đường bờ kênh: Gia cố 1.236m đường bờ kênh (trong đó bờ phải từ $K_{1+158,7} ÷ K_{1+450,2}$ dài 291,5m; bờ trái từ $K_{1+450,2} ÷ K_{2+394,7}$ dài 944,5m) kết hợp đường quản lý vận hành, đường nông thôn cấp C, kết cấu BT M250, rộng $B = 3m$, dày 18cm, cao trình mặt đường (+1,7 ÷ +2,1)m.

d) Cầu qua kênh: Xây dựng mới 5 cầu qua kênh thay thế 5 cầu cũ, tải trọng 0,5HL93, cầu 1 nhịp, rộng 5,0m, chiều dài nhịp 8,6m, kết cấu bằng BTCT M300, móng cầu được xử lý nền bằng cọc BTCT M300.

5.2. Công :

Xây dựng mới các công Thụy Việt, Vân Am 2, 26, An Lương thay thế các công cũ; công hợp, 1 khoang, chảy không áp; kết cấu bằng BTCT M250, xử lý nền công bằng cọc BTCT M300. Tiêu năng dạng bể. Cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng tời điện 6 tấn 2 tang, riêng công An Lương đóng mở bằng máy vitme VĐ5. Gia cố mái kênh đoạn cửa vào, cửa ra công bằng tấm bê tông kích thước (60x60x8)cm.

Thông số kỹ thuật của các công như bảng sau:

TT	Tên công	Vị trí xây dựng	Q_{tk} (m^3/s)	Kích thước m/c công B x H (m)	Cao trình ngưỡng công (m)	Chiều dài thân công (m)	Hình thức công
1	Thụy Việt	K5+176, kênh N2	6,43	4,0 x 3,4	-0,5	11,5	Điều tiết
2	Vân Am 2	K6+510, kênh N2	8,91	4,0 x 2,7	-1,0	9,0	Tưới, tiêu kết hợp

3	26	K12+088, kênh N2	9,46	4,0 x 2,7	-1,0	9,0	Tươi, tiêu kết hợp
4	An Lương	K13+460, kênh N2	7,72	3,0 x 2,5	-1,0	8,5	Tươi, tiêu kết hợp

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh nhà thầu Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật thủy lợi, Công ty cổ phần khảo sát thiết kế thủy lợi Thái Bình và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi thủy điện Thăng Long.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Diện tích sử dụng đất:
 - + Diện tích đất thu hồi vĩnh viễn là 19.531m²
 - + Diện tích đất thu hồi tạm thời là 13.247 m².

8. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính, chỉ tiêu thiết kế:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B
- Cấp công trình chính, chỉ tiêu thiết kế:
 - + Cấp công trình chính: Công trình cấp III
 - + Chỉ tiêu thiết kế: Mức đảm bảo tưới 85%

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: thiết kế 2 bước, gồm:
 - + Thiết kế cơ sở.
 - + Thiết kế bản vẽ thi công.
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
 - + QCVN 04-05:2012/BNNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Công trình Thủy lợi – Các quy định chủ yếu về thiết kế.
 - + TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
 - + Quyết định 116/BNNT-TCTL ngày 26/5/2021: Tiêu chuẩn thiết kế công trình thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng.
 - + TCVN 4118:2021 Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước – Yêu cầu thiết kế.

+ TCVN 10406:2015 Công trình thủy lợi – Tính toán hệ số tiêu thiết kế.

+ TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.

+ TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.

+ TCVN 8223:2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về đo đạc địa hình, xác định tim kênh và các công trình trên kênh

+ TCVN 8229:2009 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế cửa van, khe van bằng thép.

+ TCVN 10304:2014 Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế.

+ TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế.

+ TCVN 4118:2021 Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước – Yêu cầu thiết kế;

+ TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 9394:2012 Đóng và ép cọc - Thi công và nghiệm thu;

+ TCVN 10406:2015 Công trình thủy lợi – tính toán hệ số tiêu thiết kế;

+ TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 9152:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi;

+ TCVN 9160:2012 Yêu cầu dẫn dòng trong xây dựng.

+ TCVN 8422:2012 Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;

+ Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam liên quan khác.

10. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư được duyệt tính theo mặt bằng giá tháng 03 năm 2022 của tỉnh Thái Bình là: **210.000.000.000 đồng.**

(Hai trăm mười tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	20.000.000.000 đ
- Chi phí xây dựng:	144.663.294.000 đ
- Chi phí thiết bị:	764.901.000 đ
- Chi phí quản lý dự án:	2.472.279.000 đ

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 11.780.411.000 đ
- Chi phí khác: 2.173.838.000 đ
- Chi phí dự phòng: 28.145.277.000 đ

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án:

- Chuẩn bị dự án: 2021 – 2022.
- Thực hiện dự án: 2022 – 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý là 190 tỷ đồng;
- Vốn ngân sách của địa phương để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng là 20 tỷ đồng.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

14. Lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC:

- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn theo đúng các quy định hiện hành; nghiên cứu, tính toán lựa chọn tối ưu kết cấu công trình đảm bảo kinh tế kỹ thuật.
- Các nội dung được phép thay đổi trong bước TKBVTC: Chiều dài tuyến kênh, đường bờ kênh, số lượng, chiều dài cọc gia cố nền...nhưng không được vượt tổng mức đầu tư và thay đổi mục tiêu của dự án.
- Có giải pháp thi công các hạng mục hợp lý đảm bảo không ảnh hưởng đến cấp nước, phục vụ sản xuất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư theo quy định hiện hành.
- Tổng cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý nhà nước, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (i) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện dự án; (ii) Chịu trách nhiệm bố trí kinh phí của tỉnh tổ chức thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng đảm bảo đáp ứng tiến độ thực hiện dự án; (iii) Chỉ đạo đơn vị quản lý khai thác nhận bàn giao công trình hoàn thành trên địa bàn tỉnh, đề quản lý khai thác theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng các Vụ Kế hoạch, Tài chính, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- UBND tỉnh Thái Bình;
- Sở NN&PTNT tỉnh Thái Bình;
- Ban QLDA ĐTXD NN&PTNT Thái Bình;
- Kho bạc NN tỉnh Thái Bình;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TCTL (15b).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp